

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 26 – 5 – 2021

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp.

2. Bà Trần Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, về việc xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa:

– Nguyên đơn: Chị Nguyễn N, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp RD, xã HM, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

– Bị đơn: Anh Trần L, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà không số, NNC, khóm D, phường D, thành phố Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn N là nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần L chung sống với nhau vào ngày 01/7/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2020 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N là do anh chị bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Do đó, chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị N xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại.

Đối với anh Trần L, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần L đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa chị N và anh L là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Trần L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn N và anh Trần L xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/7/2020 tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố CM, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống gia đình, anh, chị thường xuyên mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau, dẫn đến việc gây bất hòa trong cuộc sống, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên anh, chị không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Thực tế giữa anh, chị có xảy ra mâu thuẫn. Thời gian này không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị N cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho chị ly hôn thì chị cũng không đoàn tụ, chung sống với anh L được nữa vì tình cảm vợ chồng không còn, tương lai hạnh phúc không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị N xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
 - Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
 - Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn N về việc xin ly hôn anh Trần L.
 2. Về con chung: Chị N xác định chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 3. Về tài sản chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 4. Về nợ chung: Chị N khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên không đề cập giải quyết.
 5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 11 tháng 3 năm 2021, chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000763 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CM được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- UBND phường D, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Thúy Dung